TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 946/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Lê Thị Nhanh
Bà Nguyễn Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2639/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 267/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1964 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Số M N, Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Bích L, sinh năm 1969 (vắng mặt).
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ: T A CA 91564 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đức K trình bày:

Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Bích L tự nguyện kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/3/2004, vào sổ đăng ký kết hôn số 1743 quyển số 06, ngày 10/6/2004 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau ở Việt Nam một thời gian ngắn rồi bà L trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, ông K vẫn ở Việt Nam. Sau đó ông bà thỉnh thoảng liên lạc và bà L có về Việt Nam thăm ông. Từ năm 2010

đến nay ông bà không còn liên lạc. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên cả hai bên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt và phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ông bà không có cuộc sống chung, cũng không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống nên ông thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì bà Nguyễn Bích L đang cư trú tại Hoa Kỳ.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Bích L đều vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức K, cho ông Nguyễn Đức K được ly hôn với bà Nguyễn Bích L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Đức K đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh có đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Bích L hiện đang sinh sống tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Đức K tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 02/7/2021, lần hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 30/7/2021 nhưng ông K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bà Nguyễn Bích L, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo về việc thụ lý, ngày giờ mở phiên họp, phiên tòa giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 267/TB-TLVA ngày 13/8/2020 cho bà Nguyễn Bích L theo Công văn số 707/TA-TB ngày 16/9/2020. Theo Công văn số 1408/BTP-PLQT ngày 24/5/2021 của Bộ tư pháp thì cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện thành công ủy thác tư pháp nêu trên bằng phương thức tống đạt trực tiếp cho đương sự. Tuy nhiên, sau khi nhận được

thông báo về việc thụ lý hồ sơ giải quyết vụ án ly hôn đến nay bà Nguyễn Bích L không có ý kiến phản hồi. Phiên tòa ngày 02/7/2021 bà Nguyễn Bích L vắng mặt, nên Tòa án phải hoãn phiên tòa và tiếp tục mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày hôm nay. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Bích L vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 1743 quyển số 06, ngày 10/6/2004 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/3/2004 thì quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Bích L là hợp pháp.

Theo ông Nguyễn Đức K trình bày thì sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau ở Việt Nam một thời gian ngắn rồi bà L trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, ông K vẫn ở Việt Nam. Sau đó ông bà thỉnh thoảng liên lạc và bà L có về Việt Nam thăm ông. Từ năm 2010 đến nay ông bà không còn liên lạc. Do khoảng cách địa lý xa xôi nên cả hai bên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt và phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ông bà không có cuộc sống chung, cũng không chia sẻ được các vấn đề trong cuộc sống. Về phía bà Nguyễn Bích L, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho bà Nguyễn Bích L theo quy định pháp luật nhưng không có phản hồi, cũng không có mặt tại phiên tòa. Điều này chứng tỏ bà Nguyễn Bích L không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Về phía ông K xác định không còn tình cảm với bà Nguyễn Bích L nên dứt khoát xin ly hôn.

Xét thấy mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi vợ chồng thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau. Đây cũng là tình cảm và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau và được quy định trong Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nay ông K xác định không còn tình cảm với bà Nguyễn Bích L, hai bên cũng không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó ông K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với bà Nguyễn Bích L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông K khai không có nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K khai không có nên không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Đức K phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức K và bà Nguyễn Bích L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức K

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức K được ly hôn với bà Nguyễn Bích L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đức K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng Ông Nguyễn Đức K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0092248 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đức K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đức K được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Bích L có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hs, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương